

Số: .../.../ND-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng Phát triển).

2. Đối tượng áp dụng

a) Ngân hàng Phát triển;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người quản lý Ngân hàng Phát triển bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Người điều hành Ngân hàng Phát triển bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển.

3. Đơn vị thuộc Ngân hàng Phát triển bao gồm các ban, trung tâm, văn phòng, bộ phận tại trụ sở chính Ngân hàng Phát triển.

4. Đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển bao gồm các sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực; đơn vị sự nghiệp.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở hoạt động của Ngân hàng Phát triển

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Development Bank;

c) Tên viết tắt: VDB;

2. Trụ sở hoạt động: Ngân hàng Phát triển có trụ sở chính đặt tại thủ đô Hà Nội; có sở giao dịch, chi nhánh tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực; có một số đơn vị sự nghiệp.

Website: www.vdb.gov.vn

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, đại diện pháp luật

1. Ngân hàng Phát triển là ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật liên quan.

2. Ngân hàng Phát triển có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Phát triển là Tổng giám đốc.

Điều 5. Nguyên tắc, mục tiêu hoạt động

1. Ngân hàng Phát triển hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận thực hiện chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước và các nhiệm vụ khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân hàng Phát triển được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Phát triển không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 6. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước

1. Nhà nước là chủ sở hữu của Ngân hàng Phát triển. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển.

2. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc ủy quyền cho Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Tài chính thực hiện một số quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu theo phân công của Chính phủ hoặc theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Nghị định này.

4. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Ngân hàng Phát triển, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định tại Nghị này.

Điều 7. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển là 30.000 tỷ đồng (ba mươi nghìn tỷ đồng) do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Việc bổ sung, thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển.

Điều 8. Trách nhiệm của Ngân hàng Phát triển

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Chính phủ giao cho Ngân hàng Phát triển theo quy định Nghị định này và pháp luật liên quan.

2. Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và lãi đối các khoản vốn mà Ngân hàng Phát triển huy động theo đúng cam kết.

3. Tuân thủ các quy định về kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức hoạt động theo đúng chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động hàng năm, trung và dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện báo cáo công khai, minh bạch về hoạt động và tài chính; chấp hành chế độ báo cáo thống kê với các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Bảo toàn vốn và áp dụng các biện pháp bảo toàn vốn; chịu trách nhiệm về thất thoát vốn do Nhà nước giao và vốn huy động theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

Điều 9. Quyền hạn của Ngân hàng Phát triển

1. Được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; mở tài khoản cho khách hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Được vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Được thành lập công ty con hoặc tham gia thành lập các công ty liên kết trong nước sau khi có sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ.

4. Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu liên quan đến việc vay vốn, tình hình sử dụng vốn, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng Phát triển để thẩm định dự án, phương án tài chính, phương án kinh doanh, phương án trả nợ, năng lực của khách hàng.

5. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố các tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

6. Được đề nghị cơ quan thuế, cơ quan hải quan, các tổ chức tín dụng và các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý, thu thập thông tin, cung cấp những thông tin theo quy định của pháp luật liên quan đến khách hàng có quan hệ với Ngân hàng Phát triển trong các hoạt động ngân hàng.

7. Được kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; được chấm dứt việc cho vay; thu hồi nợ trước thời hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng, vi phạm pháp luật.

8. Được khởi kiện khách hàng hoặc bên đảm bảo vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

9. Khi đến hạn trả nợ, nếu các bên không có thỏa thuận khác mà khách hàng không trả được nợ thì Ngân hàng Phát triển được quyền phát mại tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

10. Được xử lý rủi ro trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giải thể Ngân hàng Phát triển

1. Giải thể Ngân hàng Phát triển trong các trường hợp sau:

a) Nhà nước thấy không cần thiết duy trì;

b) Khi hết thời hạn hoạt động tại Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ mà không được Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn.

2. Quy trình, thủ tục giải thể Ngân hàng Phát triển được áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 11. Hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng Phát triển

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Ngân hàng Phát triển hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Ngân hàng Phát triển hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Phát triển tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động tại Ngân hàng Phát triển; tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng Phát triển bao gồm:

1. Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc.
2. Ban kiểm soát và bộ máy giúp việc.
3. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.

Mục 1

Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc

Điều 13. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại Ngân hàng Phát triển, thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu nhà nước theo phân công của các cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị khác, số thành viên của Hội đồng quản trị tối đa là 5 (năm) người, làm việc theo chế độ chuyên trách. Tổng giám đốc Ngân hàng phát triển Việt Nam là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm; các thành viên Hội đồng quản trị còn lại do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm.

c) Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo

quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được bổ nhiệm bổ sung hoặc thay thế.

4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan trong việc thực nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

5. Hội đồng quản trị được sử dụng con dấu và bộ máy giúp việc liên quan của Ngân hàng Phát triển để thực hiện nhiệm vụ của mình.

6. Thù lao và các chi phí hợp lý khác của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện nhiệm vụ được giao được tính vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển; chế độ lương, thưởng của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Trình Thủ tướng Chính phủ các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

2. Trình Bộ Tài chính các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 36 Nghị định này.

3. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển bao gồm:

a) Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển;

b) Quy chế phân công, phân cấp, ủy quyền trong nội bộ Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc;

c) Các Quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế, quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo quy định của Nghị định này. Đối với các nội dung về quyền hạn và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu chưa quy định tại Nghị định này thì được áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5. Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Ngân hàng Phát triển sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Quyết định kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển.

7. Quyết định hoặc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật các nội dung sau:

a) Cho vay, bảo lãnh tín dụng đối với từng dự án/khoản vay; các phương án huy động vốn và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

b) Xử lý rủi ro, tổn thất trong việc cho vay vốn tín dụng chính sách của Nhà nước, các khoản cho vay khác và bảo lãnh tín dụng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và cơ chế xử lý rủi ro tại Ngân hàng Phát triển;

c) Đầu tư xây dựng cơ bản, mua, bán tài sản của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật và quy định về chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển;

d) Điều chuyển vốn để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định; điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng Phát triển.

8. Phê duyệt: báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo quyết toán tài chính, phân phối kết quả tài chính, trích lập và sử dụng các quỹ (không bao gồm quỹ thưởng người quản lý và Ban kiểm soát) và công bố báo cáo thường niên của Ngân hàng Phát triển theo quy định về chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển.

9. Phê duyệt chủ trương tổ chức thực hiện kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển theo đề nghị của Tổng giám đốc.

10. Quyết định thang, bảng lương, chế độ trả lương của người lao động và các chức danh trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

11. Quyết định việc tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, phá sản và chấm dứt hoạt động công ty con của Ngân hàng Phát triển sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

12. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Ngân hàng Phát triển tại công ty con theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng Phát triển.

13. Quyết định việc tham gia góp vốn, tăng, giảm vốn góp của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

14. Quyết định biên chế cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trong phạm vi tổng biên chế được giao.

15. Quyết định số lượng, cơ cấu các đơn vị thuộc Ngân hàng Phát triển hoặc theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

16. Quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, số lượng, cơ cấu, số lượng ban, phòng nghiệp vụ tại các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Phát triển theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

17. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh thuộc bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc; người đại diện quản lý phần vốn góp của Ngân hàng Phát triển tại doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng Giám đốc; bộ máy giúp việc cho Ban kiểm soát theo đề nghị của Ban kiểm soát.

18. Nhận xét, đánh giá hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ Tài chính về kết quả đánh giá này.

19. Nhận xét, đánh giá hàng năm, kiểm tra, giám sát hoặc phân cấp kiểm tra, giám sát đối với chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Hội đồng quản trị.

20. Quyết định cử các thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc), Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển đi công tác, học tập trong nước và nước ngoài.

21. Kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Ngân hàng Phát triển; giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị. Đình chỉ, hủy bỏ, bãi bỏ các văn bản, quy định của Ngân hàng Phát triển (trừ những văn bản do Ban kiểm soát ban hành) trái với nghị quyết, quyết định và các văn bản hiện hành khác của Hội đồng quản trị.

22. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; nhận xét, đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc, báo cáo Bộ Tài chính.

23. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Chỉ đạo, giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Nghị định này.

4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản trình cấp có thẩm quyền và xử lý công việc thuộc

nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp vắng mặt, ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo cơ chế phân công, ủy quyền do Hội đồng quản trị quy định.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án, kế hoạch hoạt động của Ngân hàng Phát triển trong từng thời kỳ.

3. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

4. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

5. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; ít nhất một tháng họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) triệu tập và chủ trì để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.

2. Hội đồng quản trị họp bất thường khi có đề nghị của một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Tổng giám đốc hoặc Trưởng Ban kiểm soát;

c) Ít nhất hai thành viên của Hội đồng quản trị.

Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị biết.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập họp trong vòng 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền không chấp nhận triệu tập cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, trừ trường hợp không thể triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp này, người đề nghị nêu tại Điểm b và Điểm c Khoản 2 Điều này có thể thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến tán thành bằng văn bản, trường hợp ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của người chủ trì cuộc họp. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi Chính phủ thì có thể mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan đó tham dự phiên họp. Các phiên họp có nội dung công việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Ngân hàng Phát triển thì phải mời đại diện Công đoàn Ngân hàng Phát triển tham dự.

8. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản;

b) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm. Biên bản được lập bằng tiếng Việt theo thể thức và các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng Phát triển.

Điều 18. Bộ máy giúp việc cho Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được thành lập các bộ phận chuyên môn để giúp việc Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của các bộ phận chuyên môn giúp việc Hội đồng quản trị tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; được hạch toán vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

Mục 2

Ban kiểm soát và bộ máy giúp việc

Điều 19. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật; quy định nội bộ, nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Ngân hàng Phát triển và của Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển.

2. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Bộ Tài chính bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách, trong đó có 01 thành viên làm Trưởng ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Ban Kiểm soát phải đề nghị Bộ Tài chính bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

5. Ban kiểm soát hoạt động theo quy chế do Bộ Tài chính ban hành.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng Phát triển trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quyết định, văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ Tài chính và cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định hoạt động nội bộ của Ban kiểm soát.

3. Giám sát việc chấp hành chế độ, thực trạng tài chính; chế độ kế toán; việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng Phát triển; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ.

4. Thẩm định kế hoạch tài chính hàng năm; thẩm định báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm và kiểm tra từng nội dung cụ thể liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển khi xét thấy cần thiết trước khi báo cáo Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ Tài chính khi phát hiện người quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

6. Được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

7. Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị, họp do Tổng giám đốc chủ trì, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Được yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ Tài chính.

8. Được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng Phát triển, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình. Được sử dụng con dấu của Ngân hàng Phát triển để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

9. Thành viên Ban kiểm soát được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát, kể cả tiền lương, cho các thành viên Ban kiểm soát do Bộ Tài chính quyết định và được tính vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển .

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Bộ Tài chính giao.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban kiểm soát

1. Chỉ đạo, tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa các cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.
5. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát.
7. Chỉ được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Nghị định này. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp do Tổng giám đốc chủ trì, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.
9. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Nghị định này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng phát triển Việt Nam và của Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Đề nghị Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.
3. Kiểm soát các hoạt động, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.
4. Được quyền yêu cầu cán bộ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về

các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

7. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp do Tổng giám đốc chủ trì, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

8. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Bộ máy giúp việc cho Ban kiểm soát

1. Trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị thành lập bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ để giúp việc cho Ban kiểm soát.

2. Quy chế hoạt động của bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ do Ban kiểm soát quyết định.

3. Chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Ngân hàng Phát triển.

Điều 24. Kiểm toán nội bộ.

1. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng Phát triển; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng Phát triển hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

2. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát để gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển.

Mục 3

Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

Điều 25. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Phát triển, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng Phát triển, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tuân thủ thực hiện theo quy định của các nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Nghị định này và pháp luật liên quan,

2. Trình Hội đồng quản trị các nội dung sau:

a) Chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn;

b) Chủ trương tổ chức thực hiện kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển

c) Các nội dung khác theo phân công của Hội đồng quản trị, theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

3. Ban hành, hướng dẫn triển khai các quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng Phát triển.

4. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Ngân hàng Phát triển.

5. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả.

6. Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính của Ngân hàng Phát triển, các nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

7. Quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển cấp tín dụng, ký kết hợp đồng, huy động vốn, đầu tư, thanh lý, bán tài sản của Ngân hàng Phát triển, điều chuyển vốn, tài sản giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền.

8. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp khi có thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khách quan bất khả kháng khác và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền về quyết định đó; kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị sau khi thực hiện.

9. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý còn lại trong Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính và của Hội đồng quản trị. Quyết định mức lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.

10. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

11. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cơ quan có thẩm quyền về kết quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

12. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn của mình theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

13. Đại diện pháp nhân cho Ngân hàng Phát triển trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong công tác đối nội, đối ngoại liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy chế phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

14. Ký các văn bản, thỏa ước, hợp đồng, chứng thư của Ngân hàng Phát triển trong công tác đối nội, đối ngoại theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan, phù hợp với phân công, phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị.

15. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

Điều 27. Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Phát triển.

2. Các Phó tổng giám đốc đảm nhiệm phụ trách một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo phân công của Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; số lượng Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá 05 người. Nhiệm kỳ của Phó tổng giám đốc là 05 năm; Phó tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Phó Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Ngân hàng Phát triển; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Kế toán trưởng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

4. Các đơn vị thuộc và trực thuộc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong điều hành công việc theo quy định của Ngân hàng Phát triển. Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 28. Hệ thống kiểm soát nội bộ.

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc, giúp Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng Phát triển đảm bảo thông suốt, an toàn và đúng pháp luật.

2. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ được áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quy định của Hội đồng quản trị và pháp luật có liên quan.

Mục 5

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Điều 29. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong quản lý, điều hành.

1. Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng Phát triển, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan, thường xuyên cung cấp thông tin, trao đổi tham vấn ý kiến trước khi quyết định.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện. Nếu phát hiện vấn đề không phù hợp với lợi ích chính đáng của Ngân hàng Phát triển hoặc trái với quy định của pháp luật về trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Phát triển thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên các cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Trường hợp quyết định của Tổng giám đốc không đúng với quy định của pháp luật hoặc không phù hợp với lợi ích chính đáng của Ngân hàng Phát triển, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc điều chỉnh lại.

3. Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát hoạt động theo quy định tại Nghị định này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Bộ Tài chính ban hành.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì. Tại cuộc họp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 30. Hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Phát triển

1. Cho vay theo chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định

của pháp luật.

2. Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

3. Cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các hình thức cấp tín dụng khác theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các hoạt động cho vay theo ủy quyền/ủy thác, cấp phát vốn theo ủy thác; bảo lãnh theo ủy quyền/ủy thác; ủy thác, nhận ủy thác cung ứng các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho khách hàng theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Vốn hoạt động của Ngân hàng Phát triển

1. Vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Phát triển gồm:

a) Vốn điều lệ của Ngân hàng Phát triển;

b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do ngân sách nhà nước cấp;

c) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;

d) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại nguồn vốn chủ sở hữu có gốc ngoại tệ;

đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối;

e) Vốn tài trợ không hoàn lại của các tổ chức trong nước và nước ngoài;

g) Vốn khác thuộc sở hữu của Ngân hàng Phát triển.

2. Vốn huy động theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

b) Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Phát triển;

c) Vay Bảo hiểm xã hội Việt Nam; vay của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài;

d) Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật;

đ) Huy động của các tổ chức khác trong và ngoài nước;

e) Nhận tiền gửi ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

g) Huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản vốn khác gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất để thực hiện các hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Vốn vay nước ngoài của Chính phủ được Bộ Tài chính ủy quyền cho vay lại;

c) Vốn nhận ủy thác của Bộ Tài chính, chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức trong nước và nước ngoài (bên ủy thác) để thực hiện theo văn bản yêu cầu của bên ủy thác;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Chế độ tài chính

1. Ngân hàng Phát triển là đơn vị hạch toán tập trung toàn hệ thống; tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật; thực hiện bảo toàn và phát triển vốn; tiến tới tự bù đắp chi phí và rủi ro trong hoạt động.

2. Cơ chế quản lý tài chính của Ngân hàng Phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chế độ kế toán, thống kê

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Ngân hàng Phát triển bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 34. Báo cáo tài chính, kiểm toán báo cáo tài chính

1. Ngân hàng Phát triển thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Phát triển được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Phát triển thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

CHƯƠNG IV

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 35. Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định các nội dung sau trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính:

a) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức,

khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, và Tổng giám đốc của Ngân hàng Phát triển;

b) Phê duyệt đề án cơ cấu lại Ngân hàng Phát triển.

2. Quyết định các nội dung sau trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Phát triển:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể Ngân hàng Phát triển;

b) Phê duyệt chiến lược hoạt động; kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Ngân hàng Phát triển;

c) Phê duyệt chủ trương thành lập, giải thể, phá sản công ty con;

d) Phê duyệt chủ trương việc tham gia góp vốn, nắm giữ tăng, giảm vốn của Ngân hàng phát triển tại công ty con, công ty liên kết.

3. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Bộ Tài chính

1. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các nội dung tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

2. Trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Phát triển:

a) Quyết định tổng biên chế của Ngân hàng Phát triển;

b) Quyết định quỹ tiền lương của người quản lý, Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển sau khi có ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định mức trích quỹ thưởng của người quản lý, Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển từ kết quả phân phối kết quả tài chính hàng năm.

d) Quyết định quy hoạch Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển.

đ) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng Phát triển).

e) Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Ngân hàng Phát triển.

g) Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật;

h) Chấp thuận cử Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Phát triển đi nước ngoài.

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương

1. Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đối với hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo chức năng, nhiệm vụ được giao quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

Điều 38. Trao đổi thông tin

Ngân hàng Phát triển được trao đổi thông tin về hoạt động ngân hàng và khách hàng với các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước và nước ngoài.

Điều 39. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên của Ngân hàng Phát triển và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Ngân hàng Phát triển theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Phát triển được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng Phát triển, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024¹.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 41. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam và

¹ Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xây dựng Nghị định theo thủ tục rút gọn và trình Chính phủ ban hành trước 01/7/2024

các tổ chức các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (...b)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính